

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép công nghệ cao Dung Quất**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép công nghệ cao Dung Quất tại Báo cáo kết quả thẩm định số 5959/STNMT-ĐTM ngày 08/12/2021; xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép công nghệ cao Dung Quất đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 10/DDC-MT ngày 10/12/2021 của Công ty Cổ phần kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6122/TTr-STNMT ngày 16/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép công nghệ cao Dung Quất (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phân KCN Sài Gòn – Dung Quất, xã Bình Thạnh,

huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Công an tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, UBND huyện Bình Sơn theo chức năng nhiệm vụ thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn; Chủ tịch UBND xã Bình Thạnh; Giám đốc Công ty Cổ phần kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, KTNak886.

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**“Nhà máy sản xuất kết cấu thép công nghệ cao Dung Quất”***(Kèm theo Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)***1. Thông tin về Dự án:**

a) Chủ dự án: Công ty Cổ phần kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung

b) Địa điểm, quy mô của Dự án:

b.1) Địa điểm:

Dự án “Nhà máy sản xuất kết cấu thép công nghệ cao Dung Quất” được thực hiện tại phân Khu công nghiệp Sài Gòn – Dung Quất, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

b.2) Diện tích, công suất:

- Tổng diện tích: 196.870 m².

- Quy mô dự án:

+ Thép thành phẩm: 29.000 tấn/năm

+ Thép tấm nguyên liệu: 3.000 tấn/năm

+ Tole thành phẩm: 2.000.000 m²/năm

+ Diện tích kho, bãi cho thuê: 90.000 m² (Bao gồm nhà xưởng, sân bãi, nhà kho) với thời gian cho thuê đến ngày 31/12/2022. Sau thời gian này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo đúng mục tiêu và quy hoạch của dự án đã được phê duyệt.

c) Công nghệ sản xuất:

c.1) Công nghệ sản xuất cơ khí

- Đối với các sản phẩm như ốc, vít, bulong treo,...:

Nguyên liệu (thép tấm, thép hình, thép cây) → Cắt bằng tia plasma hoặc cắt bằng máy cơ → Công đoạn gia công cơ khí (tiện, phay, khoan, đột lỗ, chấn, cán ren, mài, uốn, vát mép) → Hoàn thiện đóng gói và lưu kho chờ xuất hàng.

- Đối với các sản phẩm cơ khí khác:

Nguyên liệu (thép tấm, thép hình, thép cây) → Cắt bằng tia plasma hoặc cắt bằng máy cơ → Công đoạn gia công cơ khí (tiện, phay, khoan, đột lỗ, chấn, cán ren, mài, uốn, vát mép) → Lắp ráp, hàn tổ hợp thô → Nắn thẳng → Hàn hoàn thiện → Làm sạch bề mặt → Sơn, hong khô tự nhiên → Hoàn thiện đóng gói và lưu kho chờ xuất hàng.

Nguyên liệu ban đầu là thép tấm, thép hình, thép cây các loại tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng được đưa qua công đoạn ban đầu là công đoạn cắt. Công ty có 02 công nghệ cắt: Đối với các sản phẩm cần độ chính xác cao sẽ sử dụng công nghệ cắt bằng tia plasma và đối với các sản phẩm cần độ chính xác tương đối công ty sử dụng công nghệ cắt bằng các máy cơ.

Tùy theo chủng loại sản phẩm cần sản xuất mà các bán thành phẩm kim loại sau khi cắt theo kích thước yêu cầu ở trên sẽ được lần lượt đưa qua các công đoạn gia công cơ khí khác nhau như: tiện/phay/khoan/đột lỗ/chân, cán ren, mài, uốn, vát mép để từng bước tạo hình.

Sau các công đoạn gia công cơ khí này thì một số sản phẩm đã được hoàn chỉnh như các loại sản phẩm ốc, vít, bulong, bulong treo,... sẽ được đóng gói thành phẩm, lưu kho chờ xuất hàng.

Đối với các sản phẩm khác thì tiếp tục được đưa qua công đoạn lắp ráp, hàn tổ hợp thô. Công đoạn này được thực hiện bằng các máy ráp tự động.

Sau khi hàn, bán thành phẩm kim loại có thể bị co ngót, cong vênh do nhiệt hàn tạo ra vì vậy sẽ được chuyển qua công đoạn nén thẳng. Tiến hành cho máy dầm I chạy qua máy cán thông qua ba con lăn để điều chỉnh cho cánh và bụng được vuông ke trong quá trình thao tác. Dầm I được đưa đúng vị trí, căn chỉnh ngay tâm và cho chạy không tải ít nhất 1 lần rồi sau đó mới tiến hành cho nén thẳng ở chế độ lớn phù hợp.

Công đoạn hàn hoàn thiện: câu chữ I đã được cắt theo bản vẽ và lắp ráp theo các chi tiết liên kết (bao gồm: bản mã mã đế, bản mã liên kết, tăng kính, gối liên kết...theo bản vẽ) để thành cây cột, kèo, dầm, giằng...bằng các mối hàn đính tạm. Sau khi ráp cây kèo, cột, dầm...bằng các mối hàn tạm, tiến hành hàn hoàn chỉnh các vị trí liên kết.

Công đoạn làm sạch bề mặt (phun bi thép): Bán thành phẩm sẽ được đưa vào máy phun bi thép để làm sạch bề mặt và loại bỏ thành phần không cần thiết như: gỉ sắt, xỉ hàn và tạo độ nhám bề mặt kim loại tăng khả năng bám dính của lớp sơn. Máy phun bi thép dạng kín và có hệ thống xử lý bụi đi kèm theo từng máy. Bán thành phẩm sau khi đã được làm sạch bề mặt sẽ chuyển đến công đoạn sơn. Công đoạn làm sạch bề mặt kim loại công ty chỉ sử dụng máy phun bi thép không sử dụng phương pháp tẩy rửa bằng dung dịch.

Công đoạn sơn giúp tạo lớp bảo vệ và tạo độ màu, độ sáng bóng cho sản phẩm. Sản phẩm sau sơn được để hong khô tự nhiên và chờ xuất xưởng.

c.2) Công nghệ cán thép tấm

Phôi thép cuộn nhập về → Máy cán phẳng và cắt → Kiểm tra → Nhập kho

Tại quy trình công nghệ này, phôi thép cuộn nhập về sẽ được đưa qua máy cán phẳng và cắt (mỗi 6 m hoặc hơn tùy theo quy cách của đơn vị yêu cầu). Đây là thiết bị đặc biệt để làm phẳng tấm kim loại ở điều kiện nguội (xả

cuộn). Sản phẩm sau khi làm phẳng và cắt thành tấm sẽ được nhập kho và xuất đi.

c.3) Công nghệ sản xuất tole

Nguyên liệu (Tole thành phẩm dạng cuộn) → Cán tole thành sóng (hoặc Cắt tole → Dập chấn) → Hoàn thiện, đóng gói → Lưu kho chờ xuất hàng.

Nguyên liệu ban đầu nhập về là tole thành phẩm dạng cuộn tròn đã được sơn, mạ màu (không phải thực hiện công đoạn sơn cho sản phẩm từ nguyên liệu tole). Tùy theo loại sản phẩm cần sản xuất và tole cuộn được đưa qua các công đoạn khác nhau.

Đối với sản phẩm là tole dạng sóng: Nguyên liệu tole cuộn được đưa vào máy cán dạng sóng. Tại đây, cuộn tole được gắn vào trục đầu của hệ thống máy, tole được trục kéo của hệ thống máy kéo trải dài theo máy và được dập tạo thành hình thù sóng theo yêu cầu. Tại phần cuối của máy, sau khi sản phẩm tole đã được hoàn chỉnh thì máy sẽ cắt đứt rời từng tấm tole thành phẩm. Sản phẩm tạo thành được đóng gói và lưu kho chờ xuất hàng.

d) Các hạng mục công trình chính của Dự án:

TT	Hạng mục	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Nhà văn phòng	35 x 39	1.365	Đã xây dựng
2	Căn tin, nghỉ trưa công nhân	35 x 40	1.400	Đã xây dựng
3	Nhà bảo vệ	7 x 5	35	Đã xây dựng
4	Nhà xe 2 bánh	8 x 80	640	Đã xây dựng
5	Nhà xe 4 bánh	8 x 30	240	Đã xây dựng
6	Kho vật tư	12 x 27	324	Đã xây dựng
7	Nhà bắn bi và kho chứa	24,6 x 25	615	Đã xây dựng
8	Nhà vệ sinh và điều hành	5 x 150	750	Đã xây dựng
9	Nhà xưởng 1	80 x 234	18.720	Đã xây dựng
10	Nhà xưởng 2	25 x 108	2.700	Đã xây dựng
11	Nhà xưởng 2 mở rộng nối dài	25 x 36	900	Đã xây dựng
12	Khu nhà nghỉ công nhân	7 x 60	420	Đã xây dựng
13	Bãi ráp thử	50 x 220	11.000	Đã xây dựng
14	Nhà xưởng 3	62 x 288	17.856	Đã xây dựng
15	Nhà xưởng 3 (mở rộng)	90 x 92,06	8.285	Đã xây dựng
15	Bể ngầm nước PCCC	7 x 3	21	Đã xây dựng
16	Bãi tiếp nhận thép nguyên liệu	220 x 93	20.460	Đã xây dựng
17	Bãi chứa thành phẩm	220 x 93	20.400	Đã xây dựng
18	Xưởng 4	68 x 189	12.852	Chưa xây dựng

TT	Hạng mục	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)	Ghi chú
19	Kho vật tư phụ	32 x 72	2.304	Chưa xây dựng
20	Nhà để xe vận tải, xe cầu	32 x 72	2.304	Chưa xây dựng
21	Xưởng 5	60 x 198	11.880	Chưa xây dựng
22	Kho vật tư phụ số 2		640	Chưa xây dựng
23	Sân và đường bê tông nội bộ		46.313	
24	Cây xanh và vườn hoa		34.479	
	Tổng diện tích		196.870	

Đối với diện tích kho, bãi cho thuê 90.000 m², trong thời hạn được cho thuê, trên mặt bằng bãi chứa bố trí các hạng mục công trình sau:

- Khu vực nhà bảo vệ tại cổng ra vào, diện tích khoảng 50 m² gồm hạng mục nhà bảo vệ, bồn chứa nước 5 m³ (chủ yếu phục vụ rửa bánh xe ra vào bãi).

- Khu vực rửa bánh xe.

- Hệ thống mương thoát nước mưa và bể lắng lọc xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi.

- Tuyến đường giao thông trục chính rộng 4 m giữa bãi chứa.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

a) Các tác động môi trường chính của Dự án:

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
1	Giai đoạn thi công xây dựng	
1.1	Vận chuyển nguyên liệu, thiết bị máy móc	Tiếng ồn, bụi, khí thải, tai nạn giao thông, tai nạn lao động
1.2	Xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc thiết bị	- Bụi, khí thải, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng và quá trình lắp đặt máy móc thiết bị - Chất thải rắn xây dựng: xà bần, bê tông thải, sắt, thép vụn,... - Chất thải nguy hại: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, thùng chứa dầu,... - Nước thải vệ sinh máy móc thiết bị
1.3	Sinh hoạt của công nhân làm	Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
	việc tại công trường	hoạt
2	Giai đoạn hoạt động của bãi chứa (Đến ngày 31/12/2022)	
2.1	Vận chuyển quặng, cồng đến bãi chứa và ngược lại	Tiếng ồn, bụi, khí thải, tai nạn giao thông, ảnh hưởng đến chất lượng đường giao thông
2.2	Quá trình lưu chứa, xúc bốc	Bụi phát sinh trong quá trình lưu chứa Bụi phát sinh trong công tác xúc bốc
2.3	Nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa, nước rửa bánh xe	Nước mưa chảy tràn kéo theo quặng, cồng lưu chứa tại bãi Nước rửa bánh xe chứa quặng, cồng bám theo bánh xe ra vào bãi
2.4	Sinh hoạt của công nhân làm việc tại bãi chứa	Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt
2.5	Công tác hoàn trả mặt bằng	Chất thải rắn, bụi
3	Giai đoạn hoạt động của Nhà máy	
3.1	Hoạt động sản xuất	- Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động cắt, các hoạt động hàn, phun bi, dập cắt tole - Hơi dung môi từ quá trình sơn - Chất thải rắn sản xuất - Chất thải nguy hại
3.2	Vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm	Bụi, khí thải, tiếng ồn
3.3	Sinh hoạt của công nhân	- Chất thải rắn sinh hoạt - Nước thải sinh hoạt

b) Quy mô, tính chất của nước thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	Giai đoạn thi công xây dựng	
1.1	Nước thải sinh hoạt	20 công nhân với lưu lượng khoảng 2 m ³ /ngày
1.2	Nước thải từ các hoạt động thi công, xây dựng	Vệ sinh máy móc, thiết bị
1.3	Nước mưa chảy tràn	Các tạp chất cuốn theo trên bề mặt thi công
2	Giai đoạn hoạt động của bãi chứa (Đến ngày 31/12/2022)	
2.1	Nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa, nước	Nước mưa chảy tràn kéo theo quặng, cồng lưu chứa tại bãi. Nước rửa bánh xe chứa

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
	rửa bánh xe	quặng, cốc bám theo bánh xe ra vào bãi, lượng nước chảy tràn lớn nhất qua khu vực bãi chứa là 82 m ³ /giờ
2.2	Nước thải sinh hoạt	Phát sinh khoảng 0,32 m ³ /ngày
3	Giai đoạn hoạt động của Nhà máy	
3.1	Nước thải sinh hoạt	Phát sinh khoảng 37,2 m ³ /ngày
3.1	Nước mưa chảy tràn	Tính chất nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực Dự án

c) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	Giai đoạn thi công xây dựng	
1.1	Vận chuyển nguyên liệu xây dựng, máy móc thiết bị.	Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động giao thông
1.2	Xây dựng công trình và lắp đặt máy móc thiết bị	Bụi, khí thải và tiếng ồn từ hoạt động xây dựng, hoạt động hàn, cắt sắt thép
2	Giai đoạn hoạt động của bãi chứa (Đến ngày 31/12/2022)	
2.1	Vận chuyển quặng, cốc đến bãi chứa và ngược lại	Bụi, khí thải, tiếng ồn dọc tuyến đường vận chuyển dài 6 km
2.2	Bụi phát sinh do gió, bụi từ công tác xúc đổ tại bãi chứa	Bụi phát sinh ảnh hưởng đến khu vực bãi chứa và xung quanh
3	Giai đoạn hoạt động của Nhà máy	
3.1	Hoạt động giao thông	Tiếng ồn, khói thải từ các phương tiện giao thông
3.2	Hoạt động cắt, hàn cơ khí	Bụi, tiếng ồn
3.3	Hoạt động phun bi	Bụi, ồn
3.4	Hoạt động phun sơn	Bụi sơn, hơi dung môi
3.5	Máy dập, cắt tole, cán thép tấm	Ồn

d) Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	Giai đoạn thi công xây dựng	
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	20 công nhân phát sinh khoảng 18 kg/ngày
1.2	Chất thải rắn xây dựng	Khoảng 3 tấn chủ yếu sắt thép vụn, gỗ, bao

		bì,...
2	Giai đoạn hoạt động của bãi chứa (Đến ngày 31/12/2022)	
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	2-3 công nhân phát sinh khoảng 1,8 – 2,7kg/ngày
2.2	Chất thải rắn thông thường khác (chủ yếu phát sinh trong giai đoạn hoàn trả mặt bằng)	Các bạt HDPE lót nền, bạt phủ các bãi vật liệu, các hạng mục công trình không có nhu cầu tiếp tục sử dụng (nhà bảo vệ, cầu rửa xe,...)
3	Giai đoạn hoạt động của Nhà máy	
3.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Từ 327 công nhân phát sinh khoảng 294,3 kg/ngày
3.2	Chất thải rắn sản xuất	Sắt thép vụn, xỉ hàn,...chủ yếu là các chất thải có thể bán phế liệu với khối lượng khoảng 0,2 tấn/ngày

e) Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

TT	Nguồn phát sinh	Quy mô, tính chất
1	Giai đoạn thi công xây dựng	
1.1	Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị xây dựng	Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải, thùng sơn,...
2	Giai đoạn hoạt động của bãi chứa (Đến ngày 31/12/2022)	
2.1	Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của Nhà máy	Chất thải nguy hại chủ yếu là thùng sơn, bao bì chứa hóa chất dung môi, vật liệu mài chứa thành phần nguy hại, sơn thải, dầu mỡ thải,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

a) Về thu gom và xử lý nước thải:

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ	NGUỒN TIẾP NHẬN
1	Giai đoạn thi công xây dựng		
1.1	Nước thải sinh hoạt	Trang bị nhà vệ sinh di động cho công nhân	Thuê đơn vị chức năng hút đi xử lý
1.2	Nước thải xây dựng	- Quy định khu vực vệ sinh máy móc thiết bị.	Hệ thống thoát nước của phân KCN Sài Gòn –

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ	NGUỒN TIẾP NHẬN
		- Sử dụng nguồn nước hợp lý (vừa đủ) trong quá trình bảo dưỡng bê tông và làm ẩm vật liệu, hạn chế nước thừa chảy tràn lan ra môi trường. - Lắng và thoát ra môi trường thông qua hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy hoặc tự thấm (đối với khu vực bãi chứa).	Dung Quất hoặc tự thấm (đối với khu vực bãi chứa)
1.3	Nước mưa chảy tràn	- Tiến hành dọn dẹp, thu gom chất thải rắn phát sinh sau khi thi công vào cuối ngày. - Lựa chọn thời điểm thi công xây dựng phù hợp để hạn chế lượng chất bẩn sinh ra do nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công. - Quản lý, ngăn chặn rò rỉ xăng dầu do xe vận chuyển, máy móc, phương tiện thi công gây ra. Dầu mỡ rơi vãi được thấm hút bằng giẻ lau và tập trung vào thùng chứa chất thải nguy hại tại công trường, để chúng không thể theo nước mưa đi vào mương thoát nước chung của khu vực. - Các kho để vật liệu xây dựng được bố trí nơi cao ráo và phải che chắn hợp lý. - Sử dụng hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy hiện hữu.	Hệ thống thoát nước của phân KCN Sài Gòn – Dung Quất
2	Giai đoạn hoạt động của bãi chứa (Đến ngày 31/12/2022)		
2.1	Nước thải sinh hoạt	Thu gom xử lý bằng nhà vệ sinh di động	Thuê đơn vị chức năng hút đi xử lý
2.2	Nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa và nước thải tại	Thu gom và lắng thông qua hệ thống mương dẫn về hệ thống xử lý gồm bể lắng 4 ngăn và bể lắng lamen trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của phân KCN	Hệ thống thoát nước của phân KCN Sài Gòn – Dung Quất

TT	NGUỒN Ô NHIỄM	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ	NGUỒN TIẾP NHẬN
	cầu rửa xe		
3	Giai đoạn hoạt động của Nhà máy		
3.1	Nước thải sinh hoạt	Thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của phân KCN Sài Gòn – Dung Quất.	Hệ thống thoát nước của phân KCN Sài Gòn – Dung Quất
3.2	Nước mưa chảy tràn	Hệ thống thoát nước mưa có kích thước D400, D500, D600, D1000, độ dốc i = 0,1% dẫn về hệ thống thoát nước của phân KCN Sài Gòn – Dung Quất thông qua 2 vị trí đầu nối.	Hệ thống thoát nước của phân KCN Sài Gòn – Dung Quất

b) Về thu gom và xử lý bụi, khí thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	Giai đoạn thi công xây dựng	
1.1	Thi công xây dựng	- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân - Thường xuyên bảo trì thiết bị máy móc
1.2	Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị thi công	- Sử dụng phương tiện vận chuyển có đăng kiểm - Che chắn phương tiện vận chuyển - Các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định, chạy đúng tốc độ quy định
2	Giai đoạn hoạt động của bãi chứa (Đến ngày 31/12/2022)	
2.1	Vận chuyển quặng cốc	- Sử dụng phương tiện vận chuyển có đăng kiểm, che chắn phủ bạt kín thùng xe khi vận chuyển, chở đúng tải trọng thiết kế của xe và tải trọng quy định của tuyến đường vận chuyển - Thường xuyên tưới ướt và vệ sinh tuyến đường vận chuyển - Lắp cầu rửa xe ngay tại cổng vào bãi chứa để rửa bánh xe trước khi phương tiện di chuyển ra đường giao thông bên ngoài
2.2	Lưu chứa, xúc bốc tại bãi chứa	- Phủ bạt kín trong suốt quá trình lưu chứa, sử dụng đến đây mở bạt đến đây - Phun ẩm vật liệu (quặng)
3	Giai đoạn hoạt động của Nhà máy	

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
3.1	Hoạt động giao thông	- Các phương tiện chở đúng trọng tải quy định, chạy đúng tốc độ quy định - Các xe hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ vật liệu, sản phẩm lên hoặc xuống xe - Sân bãi nội bộ và đoạn đường dẫn vào Nhà máy được bê tông hóa và trồng cỏ - Phun nước đường nội bộ, sân bãi trong thời gian mùa khô kéo dài
3.2	Bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động cắt, các hoạt động hàn	- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân. - Nhà xưởng thông thoáng
3.3	Bụi từ công đoạn phun bi	Bụi được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý bụi đồng bộ với buồng phun bi
3.4	Hơi dung môi từ quá trình sơn	- Hơi dung môi được giảm thiểu tác động bằng các biện pháp quản lý và kỹ thuật (chất lượng sơn, kỹ thuật sơn, sử dụng bạt che khi sơn, trang bị bảo hộ lao động) - Đầu tư phòng phun sơn đồng bộ với hệ thống hút mùi hơi dung môi sơn và bụi sơn

c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/biện pháp xử lý
1	Giai đoạn thi công xây dựng	
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý
1.2	Chất thải rắn xây dựng	Thu gom riêng vào nơi lưu chứa tạm thời tại khu vực dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý
2	Giai đoạn hoạt động của bãi chứa (Đến ngày 31/12/2022)	
2.1	Chất thải sinh hoạt	Thu gom vào thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý
2.2	Chất thải rắn thông thường khác (chủ yếu phát sinh trong giai đoạn hoàn trả mặt bằng)	Tùy theo loại chất thải sẽ tận dụng, tái sử dụng hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/biện pháp xử lý
3	Giai đoạn hoạt động của Nhà máy	
3.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý
3.2	Chất thải rắn sản xuất	Phân loại ngay tại nguồn phát sinh: thu gom bán phế liệu (sắt thép vụn,...) và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom đi xử lý (xi hàn)

d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/biện pháp xử lý
1	Giai đoạn thi công xây dựng	
1.1	Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, pin, ắc quy thải, thùng sơn,..	Bố trí các thùng chuyên dụng để thu gom, đặt tại kho lưu giữ tạm thời hiện hữu của Nhà máy, hợp đồng thu gom chung với chất thải nguy hại của Nhà máy hiện hữu
2	Giai đoạn hoạt động của Nhà máy	
2.1	Chất thải nguy hại chủ yếu là thùng sơn, bao bì chứa hóa chất dung môi, vật liệu mài chứa thành phần nguy hại, sơn thải, dầu mỡ thải,...	Đăng ký chủ nguồn thải CTNH, thu gom và lưu trữ tại kho chứa CTNH (2 kho chứa CTNH tổng diện tích 80 m ²), hợp đồng đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý

đ) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/biện pháp xử lý
1	Giai đoạn xây dựng dự án, hoạt động của bãi chứa tạm	
1.1	Tiếng ồn, độ rung	Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết Thực hiện bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công thường xuyên trong suốt thời gian thi công;...
2	Giai đoạn hoạt động của Nhà máy	
2.1	Tiếng ồn, độ rung	- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các máy móc, thiết bị của Nhà máy đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/biện pháp xử lý
		- Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng để tránh rung theo mặt nền và hạn chế tiếng ồn phát sinh - Trang bị nút bịt, chụp tai chống ồn cho công nhân vận hành tại nơi phát sinh tiếng ồn lớn - Bố trí nhà xưởng thông thoáng - Bố trí diện tích cây xanh khuôn viên Nhà máy
2.2	Tác động do nhiệt	- Sử dụng vật liệu cách nhiệt như tole lạnh cao cấp, lớp chống nóng cách nhiệt trong quá trình xây dựng để lợp mái nhà xưởng - Nhà xưởng cao, thông thoáng tự nhiên - Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân - Trang bị các quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió tại nhà xưởng nhằm tăng cường khả năng thông gió, làm giảm nhiệt độ trong xưởng sản xuất

e) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/biện pháp xử lý
1	<i>Giai đoạn thi công xây dựng</i>	
1.1	An toàn lao động, phòng chống cháy nổ	Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cần thiết theo quy định; trang bị các phương tiện chữa cháy; tuyên truyền, tập huấn phòng chống cháy nổ;...
1.2	An toàn giao thông	Bố trí người hướng dẫn, phân luồng cho các xe vận chuyển khi quay đầu hoặc khi lùi xe; Chạy đúng tốc độ quy định, phải bật cẩn thận
2	<i>Giai đoạn hoạt động của bãi chứa (Đến ngày 31/12/2022)</i>	
2.1	An toàn giao thông	Chạy đúng tốc độ quy định, phải bật cẩn thận, có người hướng dẫn phân luồng xe ra vào
2.2	An toàn lao động	Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân Có hệ thống chiếu sáng toàn bộ sân bãi để đảm bảo an toàn khi làm việc vào ban đêm
3	<i>Giai đoạn hoạt động của Nhà máy</i>	
3.1	Phòng chống sự cố cháy nổ	Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ theo quy định; Đảm bảo nguồn cấp nước

TT	Nguồn phát sinh	Công trình/biện pháp xử lý
		PCCC
3.2	Sự cố tai nạn lao động	- Đào tạo về an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong từng công đoạn sản xuất; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân - Yêu cầu mọi công nhân, khách ra vào xưởng sản xuất phải trang bị đầy đủ bảo hộ lao động - Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động tại nhà xưởng - Trang bị đầy đủ các thiết bị y tế để kịp thời ứng phó khi sự cố xảy ra - Thực hiện tốt công tác an toàn thiết bị
3.3	Sự cố hóa chất	- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố - Thủ kho có trách nhiệm kiểm tra tình trạng các lô hàng hằng ngày, để kịp thời xử lý khi hàng hóa trong kho có hiện tượng như chảy đổ, rách thùng, hư hại hoặc mất mát - Công tác kiểm tra phải được thực hiện cả bên trong và bên ngoài kho, kiểm tra các dụng cụ thiết bị ứng phó sự cố, hệ thống báo động và thông tin liên lạc. Khi phát hiện các sự cố nguy hiểm (mất mát, tràn đổ, cháy nổ...) phải báo ngay cho Giám đốc và người chịu trách nhiệm. Khi phát hiện những hư hỏng công trình phải ghi nhận, báo cáo và lên kế hoạch sửa chữa kịp thời

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

a) Đối với khu vực bãi chứa (Hoạt động đến ngày 31/12/2022):

Nước mưa chảy tràn, nước thải từ cầu rửa xe → Bể lắng 4 ngăn (280 m³) → Bể thu gom (400 m³) → Bể lắng lamén (200 m³) → Bể sau xử lý (200 m³) → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát ra Hệ thống thoát nước phân KCN Sài Gòn – Dung Quất.

b) Đối với Nhà máy sản xuất kết cấu thép công nghệ cao Dung Quất:

- Hệ thống thu gom bụi của phòng phun bi được thiết kế đồng bộ với phòng phun bi, công suất 80.000 m³/giờ. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Phòng phun sơn khép kín và hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi, công suất 15.000 m³/giờ. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (Dự kiến lắp đặt vào năm 2025).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án:

TT	MÔI TRƯỜNG GIÁM SÁT	VỊ TRÍ	THÔNG SỐ/ TẦN SUẤT GIÁM SÁT	QUY CHUẨN SO SÁNH
I Đối với hoạt động của bãi chứa (Đến ngày 31/12/2022)				
a	Không khí xung quanh	Một (01) vị trí giữa khu vực bãi chứa tạm 9 ha (X = 1699336; Y = 581191)	Thông số: Bụi Tần suất: 03 tháng/lần	QCVN 02:2019/BYT
b	Chất lượng nước mưa chảy tràn (sau xử lý)	Một (01) vị trí tại đầu ra hệ thống xử lý tại bãi chứa (X = 1699073; Y = 581357)	Thông số: Màu, pH, TSS, Fe Tần suất: 1 tháng/lần, vào mùa mưa	QCVN 40:2011/BTNMT
II Đối với hoạt động của Nhà máy				
a	Khí thải phòng phun bi	Một (01) vị trí tại ống thoát của tủ gom bụi buồng phun bi (X = 1699187; Y = 0580985)	Thông số: Lưu lượng, bụi tổng Tần suất: 03 tháng/lần.	QCVN 20:2009/BTNMT
b	Khí thải phòng phun sơn	Một (01) vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi (X = 1699182; Y = 0580980)	Thông số: Lưu lượng, bụi tổng, butyl acetate Tần suất: 3 tháng/lần, vào thời điểm phòng sơn đang hoạt động	QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT
c	Nước thải sinh hoạt	Một (01) vị trí tại hố ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của phân KCN Sài Gòn – Dung Quất (X = 1699363; Y = 0580862)	Thông số: Lưu lượng, pH, BOD, COD, tổng N, tổng P, coliform Tần suất: 03 tháng/lần.	Tiêu chuẩn tiếp nhận của phân KCN Sài Gòn – Dung Quất
d	Chất thải rắn, CTNH	Tại các vị trí lưu giữ chất thải rắn và CTNH tạm thời	Giám sát về khối lượng, thành	-

			phần, quy trình thu gom, lưu trữ và xử lý. Tần suất: 03 tháng/lần	
--	--	--	--	--

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

a) Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a.1) Trong quá trình xây dựng và hoạt động Dự án phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung, môi trường không khí: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh – QCVN 05:2013/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc - QCVN 02:2019/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT; Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của phân KCN Sài Gòn – Dung Quất.

a.2) Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ các giai đoạn của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại và các quy định hiện hành khác.

a.3) Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn trước và trong quá trình hoạt động. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường làm ảnh hưởng đến các công trình và môi trường xung quanh, Chủ dự án phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và khắc phục các sự cố theo đúng quy định của pháp luật.

a.4) Lập kế hoạch phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án và trình cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra.

a.5) Đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy, nổ trong giai đoạn hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật.

a.6) Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân tham gia đánh giá tác động môi trường giải trình trước cơ quan nhà nước, cơ quan truyền thông về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường khi được yêu cầu.

a.7) Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường hàng năm theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Số liệu quan trắc, giám sát phải được cập nhật, lưu giữ và phải có báo cáo gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, giám sát.

b) Chủ dự án chịu các trách nhiệm:

b.1) Lập và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường tại khu vực triển khai thực hiện Dự án để Nhân dân biết và theo dõi đúng quy định pháp luật.

b.2) Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

b.3) Đối với nội dung cho thuê kho bãi: Diện tích cho thuê kho bãi là 90.000 m², thời gian cho thuê đến ngày 31/12/2022. Sau thời gian này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo đúng mục tiêu và quy hoạch của dự án đã được duyệt (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thay đổi lần thứ 04 ngày 05/11/2021 do Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi cấp).

b.4) Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và các cơ quan liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

b.5) Thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức.

b.6) Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 54a Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ./.